

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HƯNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 33/2021/HS-ST

Ngày 27/5/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Hoàng Văn Thành.**

- *Các hội thẩm nhân dân:* **1, Bà Nguyễn Thị Là.**

2, Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Thảo Linh** – Thư ký

Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* **Bà Phạm Thị Yến** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/HSST-QĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021, đối với các bị cáo:

1, Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 15/11/1986.

Nơi sinh và nơi cư trú: Thôn V, xã L, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Trình độ văn hóa: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955 và bà Đỗ Thị G (đã chết).

Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; Con có 03 con: Con lớn sinh năm 2008; con nhỏ nhất sinh năm 2020.

Tiền sự: Ngày 03/07/2020, Ủy ban nhân dân huyện Đông Hưng xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, hình thức phạt tiền: 1.500.000 đồng theo Quyết định số 4195/QĐ-XPHC. T đã nộp phạt ngày 22/7/2020.

Tiền án: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại triệu tập có mặt tại phiên tòa.

2, Đỗ Đức Th (tên gọi khác: Không), sinh ngày 20/5/1987.

Nơi sinh, nơi cư trú: Thôn H, xã X, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Đỗ Đức P, sinh năm 1948 và bà Đặng Thị N, sinh năm 1952.

Vợ: Đàm Thị Phương T, sinh năm 1992; Con có 02 con: Con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2020.

Tiền sự: Ngày 03/7/2020, Ủy ban nhân dân huyện Đông Hưng xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, hình thức phạt tiền: 1.500.000 đồng theo Quyết định số 4194/QĐ-XPHC. Bị cáo Th đã nộp phạt ngày 22/7/2020.

Tiền án: Không.

Nhân thân: Bị cáo được gia đình nuôi ăn học hết lớp 12/12. Năm 2006 tham gia quân đội, năm 2008 xuất ngũ về địa phương.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại triệu tập có mặt tại phiên tòa.

3, Vũ Văn A (tên gọi khác: Không), sinh ngày 03/02/1988.

Nơi sinh, nơi cư trú: Thôn H, xã X, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Vũ Văn B, sinh năm 1960 và bà Đỗ Thị M, sinh năm 1963.

Vợ: Phạm Thị N, sinh năm 1989; Con có 02: Con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại triệu tập có mặt tại phiên tòa.

4, Bùi Quang T1 (tên gọi khác: Không), sinh ngày 10/9/1997.

Nơi sinh, nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Trình độ văn hóa: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Bùi Quang B, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1977.

Vợ: Hà Thị O, sinh năm 1998; có 01 con sinh năm 2017.

Tiền sự: Ngày 03/7/2020, Ủy ban nhân dân huyện Đông Hưng xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, hình thức phạt tiền: 1.500.000 đồng theo Quyết định số 4197/QĐ-XPHC. T1 đã nộp phạt ngày 22/7/2020.

Tiền án: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại triệu tập có mặt tại phiên tòa.

5, Đặng Xuân N (tên gọi khác: Không), sinh ngày 05/9/1992.

Nơi sinh, nơi cư trú: Thôn H, xã X, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Đặng Xuân N, sinh năm 1962 và Đỗ Thị H, sinh năm 1966.

Vợ: Phạm Thị Huyền T, sinh năm 1996; Con: có 01 con sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại triệu tập có mặt tại phiên tòa.

6, Nguyễn Văn T2 (tên gọi khác: Không), sinh ngày 18/5/1986.

Nơi sinh, nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Trình độ văn hóa: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1962.

Vợ: Nguyễn Thị Q, sinh năm 1992; Con có 02 con: Con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị can được gia đình nuôi ăn học hết lớp 9/12. Năm 2005 tham gia Quân đội, năm 2007 xuất ngũ về địa phương.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại triệu tập có mặt tại phiên tòa.

7, Bùi Đăng Đ (tên gọi khác: Không), sinh ngày 12/6/1976.

Nơi sinh, nơi cư trú: Thôn Đ, xã M, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Trình độ văn hóa: 07/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Bùi Đăng L, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950.

Vợ: Bùi Thị Q, sinh năm 1980; Con có 02 con: Con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại triệu tập có mặt tại phiên tòa.

8, Đỗ Văn P (tên gọi khác: Không), sinh ngày 14/3/1980.

Nơi sinh, nơi cư trú: Thôn H, xã X, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Trình độ văn hóa: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Đỗ Đức P sinh năm 1952 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1955.

Vợ: Nguyễn Thị Hải L, sinh năm 1989; Con có 02 con: Con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại triệu tập có mặt tại phiên tòa.

9, Hoàng Văn T3 (tên gọi khác: Không), sinh ngày 12/12/1979.

Nơi sinh, nơi cư trú: thôn L, xã H, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Hoàng Văn C, sinh năm 1953 và bà Phạm Thị G, sinh năm 1954.

Vợ: Hoàng Thị L, sinh năm 1987; Con có 03 con: Con lớn sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại triệu tập có mặt tại phiên tòa.

*** Người làm chứng:**

Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1965 – Giám đốc Công ty TNHH vận tải T – Địa chỉ: xã L, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình (*vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 20 phút, ngày 17/01/2021, sau khi ăn cơm trưa tại bếp ăn tập thể của công ty TNHH Thương mại và vận tải T tại thôn C, xã L, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, các bị cáo Nguyễn Văn T; Bùi Quang T1, Vũ Văn A là công nhân của công ty lên phòng điều khiển trạm trộn bê tông của Công ty Tí do N và A quản lý uống nước. Sau đó T, T1, A rủ nhau đánh bạc, còn N ngồi ở bàn làm sổ sách. T1 lấy bộ bài tú lơ khơ có sẵn từ trước trong ngăn bàn máy tính tại phòng điều khiển trạm trộn bê tông, tất cả ngồi giữa phòng để đánh bạc dưới hình thức đánh “Liêng” được thua bằng tiền. Mọi người thống nhất cách chơi là sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 quân được chia đều cho mỗi người 03 quân bài, người chia bài đầu tiên là người cầm cái, còn những ván tiếp theo ai thắng người đó sẽ cầm cái, quy định sấp là 3 quân bài giống nhau và là to nhất; liêng là 3 quân bài liên tiếp nhau, nếu không ai có sấp, liêng thì tính điểm của 3 quân bài cộng lại, cao nhất là 9 điểm, nhỏ nhất là 0 điểm và là các quân bài 10, J, Q, K. Sau khi người cầm cái chia bài thì những người chơi vào gà, mỗi ván vào gà là 10.000 đồng, nếu ai thấy bài mình lớn thì có thể theo tố hoặc cược tố thêm, tố cao nhất không quá 50.000 đồng. Nếu bài người chơi nào điểm thấp thì có thể chơi hoặc không chơi ván bài đó thì úp 03 quân bài của mình xuống bài lọc và mất số tiền đã vào gà. Sau mỗi ván, ai nhất thì người đó chia bài và được hưởng số tiền gà và số tiền của những người chơi đã tố để ở dưới chiếu, ngoài ra không quy định thêm gì khác. Trong quá trình tham gia chơi đánh bạc không có ai canh coi, không ai thu tiền hồ. T, T1, A ngồi chơi được một lúc thì lần lượt có Đỗ Đức Th, Nguyễn Văn T2, Đỗ Văn P và N làm sổ sách xong cũng ngồi tham gia chơi cùng. Khoảng 05 phút sau, Bùi Đăng Đ và Hoàng Văn T3 cũng đến tham gia chơi cùng. Tất cả những người trên đều là công nhân của Công ty TNHH Thương mại và vận tải T. Mọi người

cùng nhau đánh bạc, đến khoảng 11 giờ 40 phút cùng ngày thì P bị thua 360.000 đồng nên không chơi nữa, P ra bàn ngồi uống nước. Đến 12 giờ cùng ngày thì tổ công tác Công an huyện Đông Hưng kiểm tra, phát hiện bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ: Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam thu trên chiếu bạc: 1.860.000 đồng; thu tại góc tủ điện 740.000 đồng trong tình trạng lộn xộn; 270.000 đồng được đặt dưới đầu thu Camera; 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài. Ngoài ra, còn thu giữ của Đặng Xuân N: 10.500.000 đồng trong túi áo khoác ngực bên trái, 01 điện thoại Iphone 7, vỏ màu hồng; Vũ Văn A: 200.000 đồng trong ví để tại túi áo khoác bên phải, 01 điện thoại nhãn hiệu MASSTEL vỏ màu đen, loại bàn phím, 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy J8, vỏ màu vàng; Bùi Đăng Đ: 750.000 đồng trong ví để tại túi áo ngực bên phải, 01 điện thoại OPPO A37fw, vỏ màu hồng; Nguyễn Văn T: 3.600.000 đồng trong ví để tại túi quần sau bên phải, 01 điện thoại Samsung Galaxy C9 Pro, vỏ màu hồng; Bùi Quang T1: 1.000.000 đồng, 01 ví da để tại mặt bàn làm việc trong gian phòng nơi các đối tượng đánh bạc, 01 điện thoại Iphone 7, vỏ màu đen; Nguyễn Văn T2: 3.550.000 đồng trong ví để tại túi áo ngực bên trái, 01 điện thoại Iphone X, vỏ màu trắng; Hoàng Văn T3: 1.500.000 đồng, 01 ví da để tại túi áo ngực bên phải, 01 điện thoại OPPO A5s, vỏ màu đen; Đỗ Văn P: 160.000 đồng trong túi quần sau bên trái và 01 điện thoại Iphone 6S màu vàng.

Quá trình đánh bạc các đối tượng khai:

1. Nguyễn Văn T mang theo 3.900.000 đồng, sử dụng 400.000 đồng để đánh bạc, T mới bỏ ra 300.000 đồng để đánh bạc, còn lại 3.600.000 đồng bị Công an thu giữ.

2. Đặng Xuân N mang theo số tiền 10.770.000 đồng, sử dụng 1.270.000 đồng vào việc đánh bạc, N mới bỏ ra 270.000 đồng, quá trình đánh không biết thắng thua như thế nào, khi bị bắt quả tang số tiền đã bỏ ra để dưới chiếu bạc, Công an Đông Hưng thu giữ và quản lý của N 10.500.000 đồng trong túi áo khoác ngực bên trái và 01 điện thoại Iphone 7, vỏ màu hồng.

3. Vũ Văn A mang theo số tiền 400.000 đồng, sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Quá trình chơi sử dụng trước 200.000 đồng để đánh bạc, 200.000 đồng còn lại để vào ví cất tại túi áo khoác bên phải. Khi bị bắt quả tang A thắng số tiền 70.000 đồng. Tại thời điểm bị bắt quả tang, A đã giấu số tiền 270.000 đồng dưới đầu thu camera trong phòng. Quản lý của A 01 ví giả da bên trong có 200.000 đồng tại túi áo khoác bên phải, 01 điện thoại Samsung Galaxy J8, vỏ màu vàng và 01 điện thoại Masster loại bàn phím, vỏ màu đen.

4. Đỗ Đức Th mang theo số tiền 300.000 đồng, sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Khi bị bắt Th không biết mình được, thua bao nhiêu tiền. Toàn bộ số tiền để dưới chiếu bạc.

5. Bùi Đăng Đ sử dụng 830.000 đồng để đánh bạc. Khi tham gia chơi, Đ mới bỏ ra 80.000 đồng, số tiền 750.000 đồng còn lại để trong ví cất tại túi áo ngực bên phải. Khi bị bắt quả tang Đ đánh bạc thua số tiền 60.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu giữ và quản lý số tiền 750.000 đồng cùng chiếc ví, 01 điện thoại OPPO A37, vỏ màu hồng.

6. Bùi Quang T1: Trước khi đánh bạc, T1 có 1.250.000 đồng sử dụng hết số tiền này để đánh bạc, T1 mới bỏ ra 250.000 đồng, còn lại 1.000.000 đồng để trong ví đặt tại mặt bàn làm việc trong phòng. Khi bị bắt quả tang về hành vi đánh bạc, T1 không thắng, không thua. Cơ quan Công an đã quản lý của T1 1.000.000 đồng và 01 ví giả da để ở mặt bàn làm việc trong phòng và 01 điện thoại Iphone 7, vỏ màu đen.

7. Nguyễn Văn T2 mang theo số tiền 3.750.000 đồng. T2 sử dụng 1.000.000 đồng vào mục đích đánh bạc, T2 mới bỏ ra 200.000 đồng để đánh bạc, còn 3.550.000 đồng để trong ví cất tại túi áo ngực bên trái. Khi bị bắt quả tang, T2 thua 50.000 đồng. Cơ quan Công an đã thu giữ và quản lý của T2 01 ví giả da bên trong có 3.550.000 đồng để tại túi áo ngực bên trái và 01 điện thoại Iphone X, vỏ màu trắng.

8. Hoàng Văn T3: Trước khi đánh bạc, T3 có 1.800.000 đồng, T3 sử dụng 300.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, T3 không biết được thua như thế nào, Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 1.500.000 đồng còn lại để trong ví cất tại túi áo ngực bên phải và 01 điện thoại OPPO A5s, vỏ màu đen.

9. Đỗ Văn P: Trước khi đánh bạc, P có 1.260.000 đồng, khi tham gia đánh bạc P có ý định sử dụng và bỏ ra 1.100.000 đồng vào mục đích đánh bạc. Số tiền còn lại là 160.000 đồng P để trong túi quần sau bên trái, không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Quá trình đánh bạc bị thua 360.000 đồng, P không chơi nữa và cầm trên tay số tiền 740.000 đồng ngồi ra bàn uống nước. Khi bị Công an bắt quả tang P hoảng sợ đã ném số tiền đó vào góc tủ điện. Cơ quan điều tra thu giữ và quản lý trong người P 160.000 đồng trong túi quần sau bên trái và 01 điện thoại Iphone 6S, vỏ màu vàng.

Về việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; 1.860.000 đồng thu tại chiếu bạc các bị can xác định đó là tiền đánh bạc; 270.000 đồng là tiền đánh bạc do A giấu vào dưới đầu thu camera; thu tại góc tủ điện số tiền 740.000 đồng trong tình trạng lộn xộn là tiền của P, số tiền này không dùng vào đánh bạc; Thu trên người T, N, A, Đ, T1, T2, T3, P là: 21.560.000 đồng. Trong số tiền này, các bị can khai sử dụng vào mục đích đánh bạc là 3.850.000 đồng, trong đó: T là 100.000 đồng, N là 1.000.000 đồng, A là 200.000 đồng, Đ 750.000 đồng, T1 1.000.000 đồng, T2 800.000 đồng. Số còn lại 17.710.000 đồng các bị cáo xác định không sử dụng vào đánh bạc và đề nghị tiếp tục quản lý để giải quyết trong vụ án nên đã được nhập kho, quản lý

theo quy định. Đồng thời, Cơ quan điều tra còn thu giữ và quản lý theo thủ tục vật chứng 06 chiếc ví giả da đã qua sử dụng của các bị cáo.

Theo lời khai của các bị cáo thì số tiền mà các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 6.110.000 đồng. Song thực tế khi bị bắt quả tang Cơ quan Công an thu trên chiếu bạc 1.860.000 đồng, thu tại đầu thu camera 270.000 đồng và tiền quản lý trên người các bị can dùng vào mục đích đánh bạc là 3.850.000 đồng. Nên chỉ đủ căn cứ xác định số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 5.980.000 đồng. Đối với số tiền 740.000 đồng, bị cáo P giấu tại góc tủ điện trong phòng điều hành của trạm trộn bê tông, số tiền này ban đầu P sử dụng vào mục đích đánh bạc, song quá trình đánh bạc P bị thua và tự ý không chơi nữa, khi thấy Công an đến P sợ đã giấu số tiền vào góc tủ điện nên số tiền này xác định không phải tiền sử dụng đánh bạc.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn T, Đỗ Văn P, Đỗ Đức Th, Hoàng Văn T3, Đặng Xuân N, Bùi Quang T1, Nguyễn Văn T2 Vũ Văn A và Bùi Đăng Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên Cáo trạng số: 28/VKS-ĐH ngày 07/4/2021 đã truy tố, hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn T, Đặng Xuân N, Vũ Văn A, Đỗ Đức Th, Đỗ Văn P, Bùi Quang T1, Bùi Đăng Đ, Nguyễn Văn T2 và Hoàng Văn T3 đủ yếu tố cấu thành tội: “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về áp dụng pháp luật và hình phạt:

- *Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; khoản 2, 3 Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự, đề nghị HĐXX tuyên phạt:*

Bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 tháng đến 10 tháng tù.

Phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- *Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; khoản 2, 3 Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự, đề nghị HĐXX tuyên phạt:*

Bị cáo Đỗ Đức Th từ 09 tháng đến 10 tháng tù.

Phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- *Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; khoản 2, 3 Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự, đề nghị HĐXX tuyên phạt:*

Bị cáo Bùi Quang T1 từ 09 tháng đến 12 tháng tù..

Phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- *Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; khoản 2, 3 Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự, đề nghị HĐXX tuyên phạt:*

Bị cáo Đặng Xuân N từ đến 09 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 08 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- *Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; khoản 2, 3 Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự, đề nghị HĐXX tuyên phạt:*

Bị cáo Hoàng Văn T3 từ đến 06 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 04 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- *Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; khoản 2, 3 Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự, đề nghị HĐXX tuyên phạt:*

Bị cáo Vũ Văn A từ 06 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 04 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- *Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; khoản 2, 3 Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự, đề nghị HĐXX tuyên phạt:*

Bị cáo Đỗ Văn P từ 06 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 04 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- *Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; khoản 2, 3 Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự, đề nghị HĐXX tuyên phạt:*

Bị cáo Bùi Đăng Đ từ 06 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 04 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; khoản 2, 3 Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự, đề nghị HĐXX tuyên phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn T2 từ 06 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 04 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

* Ngoài ra còn đề nghị HĐXX giải quyết về vật chứng, án phí của vụ án.

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Bùi Quang T1, Vũ Văn A, Đỗ Đức Th, Nguyễn Văn T2, Đỗ Văn P, Đặng Xuân N, Bùi Đăng Đ, và Hoàng Văn T3 nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các quy định của pháp luật giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo. Các bị cáo xin giảm tiền phạt bổ sung cho các bị cáo.

PHÂN NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn T, Đỗ Văn P, Đỗ Đức Th, Hoàng Văn T3, Đặng Xuân N, Bùi Quang T1, Nguyễn Văn T2, Vũ Văn A và Bùi Đăng Đ đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã mô tả; Phù hợp với biên bản sự việc do Công an huyện Đông Hưng lập hồi 12 giờ 00 phút ngày 17/01/2021 tại Trạm bê tông của Công ty TNHH Thương mại và vận tải T thuộc xã L, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình (bút lục số 169); Biên bản quản lý đồ vật, tài liệu do Công an huyện Đông Hưng lập hồi 12 giờ 35 ngày 17/01/2021(bút lục số 170); Biên bản ghi lời khai của chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1965 – Giám đốc Công ty TNHH vận tải T (bút lục 354a, 354b) cùng toàn bộ các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ.

[2.1] Do vậy có đủ cơ sở kết luận: Hồi 12 giờ ngày 17/01/2021, tại trạm điều khiển trộn bê tông của công ty TNHH thương mại và vận tải T thuộc thôn C, xã L, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình các bị cáo Nguyễn Văn T, Đỗ Đức Th, Bùi Quang T1, Đặng Xuân N, Đỗ Văn P, Nguyễn Văn T2, Vũ Văn A,

Hoàng Văn T3 và Bùi Đăng Đ có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức “đánh liêng”, số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 5.980.000 đồng bị Công an huyện Đông Hưng bắt quả tang. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã phạm vào tội: “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

“Điều 321. Tội đánh bạc

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2.....”.

[2.2] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo HĐXX thấy rằng:

[2.2.1] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ: Đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần phải xét xử các bị cáo bằng pháp luật hình sự để cải tạo, giáo dục các bị cáo, đồng thời là bài học răn đe và phòng ngừa tội phạm chung. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn nhưng cũng cần đánh giá vai trò phạm tội của các bị cáo để xem xét áp dụng mức hình phạt phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2.2] Đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Đỗ Đức Th, Bùi Quang T1 đã có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc, các bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân, tu dưỡng rèn luyện mà vẫn tiếp tục phạm tội coi thường pháp luật, vì vậy cần áp dụng hình phạt cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, phòng ngừa tội phạm chung. Khi xem xét, cân nhắc hình phạt HĐXX, thấy rằng: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Đỗ Đức Th, Bùi Quang T1 không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo Đỗ Đức Th có thời gian tham gia quân đội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy cần áp dụng mức hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng là phù hợp.

[2.2.3] Đối với các bị cáo Đặng Xuân N, Vũ Văn A, Hoàng Văn T3, Đặng Xuân N, Nguyễn Văn T2, Đỗ Văn P và Bùi Đăng Đ sử dụng số tiền

không lớn vào việc đánh bạc, các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, vì vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng án treo đối với các bị cáo cũng đủ giáo dục, răn đe các bị cáo. Ngoài ra các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo; Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo T3 có bố đẻ là thương binh và được Nhà nước tặng thưởng Huy chương hạng nhì; Bị cáo T2 có thời gian tham gia quân đội nhân dân Việt Nam nên các bị cáo T3, T2 được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[2.3] Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”*.

Các bị cáo tham gia đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền, ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, tuy nhiên các bị cáo là lao động tự do công việc, thu nhập hiện không ổn định, hoàn cảnh gia đình đều khó khăn nên cần áp dụng khoản 2, 3 Điều 35 Bộ luật hình sự giảm một phần hình phạt bổ sung đối với các bị cáo như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng là phù hợp.

[3] *Về vật chứng:* Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân đã qua sử dụng là phương tiện dùng vào việc các bị cáo phạm tội cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với số tiền 5.980.000 đồng, gồm: Thu tại chiếu bạc 1.860.000 đồng; 3.850.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc (trong đó: Bị cáo T là 100.000 đồng, bị cáo N là 1.000.000 đồng, bị cáo A là 200.000 đồng, bị cáo Đ 750.000 đồng, bị cáo T1 1.000.000 đồng, bị cáo T2 800.000 đồng) và 270.000 đồng bị cáo A giấu dưới đầu thu camera là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 18.150.000 đồng (trong đó: Bị cáo T 3.500.000 đồng; bị cáo N 9.500.000 đồng; Bị cáo T2 2.750.000 đồng; Bị cáo T3 1.500.000 đồng; Bị cáo P 900.000 đồng (trong túi quần 160.000 đồng, thu ở góc tủ 740.000 đồng) hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng đang quản lý cần trả lại cho các bị cáo do không sử dụng vào việc đánh bạc nhưng vẫn tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án. Riêng đối với số tiền 3.500.000 đồng của bị cáo T quá trình điều tra bị cáo T khai là tiền của vợ bị cáo đưa cho bị cáo, bị cáo khẳng định đây là tiền lương của bị cáo đưa cho vợ sau đó vợ bị cáo đưa cho bị

cáo để chi tiêu cá nhân trong quá trình đi làm nên vẫn xác định là tiền của bị cáo.

- Đối với 06 chiếc ví đã qua sử dụng thu của các bị cáo gồm: Bị cáo T 01 chiếc ví màu đen, bị cáo A 01 chiếc ví màu nâu, bị cáo T1 01 chiếc ví màu nâu, bị cáo T2 01 chiếc ví màu nâu, bị cáo Đ 01 chiếc ví màu đen, bị cáo T3 01 chiếc ví màu nâu. Trong đó các bị cáo T, T2, T3 đề nghị xin lại nên cần trả lại cho các bị cáo. Các bị cáo A, T1, Đ do không còn giá trị sử dụng không đề nghị xin lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

Toàn bộ vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Đông Hưng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng ngày 08/4/2021.

- Đối với việc Cơ quan điều tra thu giữ điện thoại của các bị cáo gồm: Đặng Xuân N 01 điện thoại Iphone 7, vỏ màu hồng; Vũ Văn A 01 điện thoại nhãn hiệu MASSTEL vỏ màu đen, loại bàn phím, 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy J8, vỏ màu vàng; Bùi Đăng Đ 01 điện thoại OPPO A37, vỏ màu hồng; Nguyễn Văn T 01 điện thoại Samsung Galaxy C9 Pro, vỏ màu hồng; Bùi Quang T1 01 điện thoại Iphone 7, vỏ màu đen; Nguyễn Văn T2 01 điện thoại Iphone X, vỏ màu trắng; Hoàng Văn T3 01 điện thoại OPPO A5s, vỏ màu đen; Đỗ Văn P 01 điện thoại Iphone 6S màu vàng. Quá trình điều tra các bị cáo không sử dụng những chiếc điện thoại trên vào việc phạm tội Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hưng đã trả lại cho các bị cáo cần được chấp nhận.

[4] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Đỗ Đức Th, Bùi Quang T1, Đặng Xuân N, Nguyễn Văn T2, Vũ Văn A, Hoàng Văn T3, Đỗ Văn P và Bùi Đăng Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Đỗ Đức Th, Bùi Quang T1, Đặng Xuân N, Nguyễn Văn T2, Vũ Văn A, Hoàng Văn T3, Đỗ Văn P và Bùi Đăng Đ có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Đỗ Đức Th, Bùi Quang T1, Đặng Xuân N, Nguyễn Văn T2, Vũ Văn A, Hoàng Văn T3, Đỗ Văn P và Bùi Đăng Đ phạm tội: “*Đánh bạc*”.

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; khoản 2, 3 Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T: **09 (chín)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn T 5.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; khoản 2, 3 Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo bị cáo Đỗ Đức Th: **09 (chín)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Đỗ Đức Th 5.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; khoản 2, 3 Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Quang T1: **09 (chín)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Bùi Quang T1 5.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; khoản 2, 3 Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Xuân N: **09 (chín)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **01 (một)** năm **06 (sáu)** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/5/2021).

Phạt bổ sung bị cáo Đặng Xuân N 5.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; khoản 2, 3 Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn A: **06 (sáu)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **01 (một)** năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/5/2021).

Phạt bổ sung bị cáo Vũ Văn A 5.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; khoản 2, 3 Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn P: **06 (sáu)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **01 (một)** năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/5/2021).

Phạt bổ sung bị cáo Đỗ Văn P 5.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Giao các bị cáo Đặng Xuân N, Vũ Văn A và Đỗ Văn P cho UBND xã Xuân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; khoản 2, 3 Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T3: **06 (sáu)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **01 (một)** năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/5/2021).

Phạt bổ sung bị cáo Hoàng Văn T3 5.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Hoàng Văn T3 cho UBND xã Hồng Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; khoản 2, 3 Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2: **06 (sáu)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **01 (một)** năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/5/2021).

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn T2 5.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T2 cho UBND xã Bình Minh, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; khoản 2, 3 Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Đăng Đ: **06 (sáu)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **01 (một)** năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/5/2021).

Phạt bổ sung bị cáo Bùi Đăng Đ 5.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Bùi Đăng Đ cho UBND xã Minh Phú, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Đối với các bị cáo Đặng Xuân N, Nguyễn Văn T2, Vũ Văn A, Hoàng Văn T3, Đỗ Văn P và Bùi Đăng Đ được hưởng án treo: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 5.980.000 đồng các bị cáo sử dụng vào đánh bạc, gồm: Thu tại chiếu bạc 1.860.000 đồng; 3.850.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc (trong đó: Bị cáo T là 100.000 đồng, bị cáo N là 1.000.000 đồng, bị cáo A là 200.000 đồng, bị cáo Đ 750.000 đồng, bị cáo T1 1.000.000 đồng, bị cáo T2 800.000 đồng) và 270.000 đồng tiền đánh bạc do bị cáo A giấu dưới đầu thu camera.

- Trả lại cho các bị cáo số tiền 18.150.000 đồng, gồm: Bị cáo T 3.500.000 đồng; bị cáo N 9.500.000 đồng; Bị cáo T2 2.750.000 đồng; Bị cáo T3 1.500.000 đồng; Bị cáo P 900.000 đồng hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng đánh hỏng quản lý không sử dụng vào việc đánh bạc nhưng vẫn tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy 03 chiếc ví của các bị cáo: Bị cáo A 01 chiếc ví màu nâu; Bị cáo T1 01 chiếc ví màu nâu; Bị cáo Đ 01 chiếc ví màu đen.

- Trả lại các bị cáo: Bị cáo T 01 chiếc ví màu đen; Bị cáo T3 01 chiếc ví màu nâu; Bị cáo T2 01 chiếc ví màu nâu.

Toàn bộ vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Đông Hưng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng ngày 08/4/2021.

- Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hưng đã trả lại cho các bị cáo điện thoại, gồm: Bị cáo Đặng Xuân N 01 điện thoại Iphone 7, vỏ màu hồng; Vũ Văn A 01 điện thoại nhãn hiệu MASSTEL vỏ màu đen, loại bàn phím, 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy J8, vỏ màu vàng; Bùi Đăng Đ 01 điện thoại OPPO A37, vỏ màu hồng; Nguyễn Văn T 01 điện thoại Samsung Galaxy C9 Pro, vỏ màu hồng; Bùi Quang T1 01 điện thoại Iphone 7, vỏ màu đen; Nguyễn Văn T2 01 điện thoại Iphone X, vỏ màu trắng; Hoàng Văn T3 01 điện thoại OPPO A5s, vỏ màu đen; Đỗ Văn P 01 điện thoại Iphone 6S màu vàng.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Đỗ Văn P, Đỗ Đức Th, Hoàng Văn T3, Đặng Xuân N, Bùi Quang T1, Nguyễn Văn T2, Vũ Văn A và Bùi Đăng Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Đỗ Văn P, Đỗ Đức Th, Hoàng Văn T3, Đặng Xuân N, Bùi Quang T1, Nguyễn Văn T2, Vũ Văn A và Bùi Đăng Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp Thái Bình;
- VKSND huyện Đông H- ng;
- THADS huyện Đông H- ng;
- Công an huyện Đông Hưng;
- UBND xã Xuân Hòa, Vũ Thư;
- UBND xã Bình Minh, huyện
Nam Trực, tỉnh Nam Định;
- UBND xã Minh Phú;
- UBND xã Hồng Giang;
- Các bị cáo;
- L- u hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

Hoàng Văn Thành